

Số: 60 /NQ-HĐND

TP. Tây Ninh, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động của
Hội đồng nhân dân thành phố năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh;

Xét Tờ trình số 32/TTr-HĐND ngày 10/12/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố năm 2022, ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố và Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố năm 2022, số tiền: 1.408.721.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng*).

(Kèm dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động HĐND Thành phố năm 2022)

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, điều tiết đảm bảo cân đối cho các hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố, thực hiện chi tiêu đúng chế độ và quyết toán đúng quy định về quản lý tài chính.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Tây Ninh Khóa XII Kỳ họp thứ 3 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh TN;
- UBND tỉnh TN;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH


Nguyễn Thị Hồng Loan

DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 60 /NQ-HĐND, ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HĐND TP)

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
01	Sinh hoạt phí cho ĐB. HĐND	228.864.000	(0,4 x 1.490.000 x 12 tháng x 32 đại biểu)
02	Kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe	22.400.000	(32 đại biểu x 700.000đồng/đại biểu)
03	Báo Đại biểu nhân dân và báo TN cho ĐB. HĐND Thành phố	87.737.000	(ước thực hiện năm 2021 là 83.559.000đ x 5% chênh lệch tăng so với năm 2021)
04	Khoản phí khai thác internet	38.400.000	(32 đại biểu x 100.000đồng/đại biểu x 12 tháng)
05	Tổ chức kỳ họp HĐND 4 kỳ (2 thường lệ + 2 chuyên đề)	120.000.000	(30.000.000 x 4 kỳ họp)
06	Kinh phí bồi dưỡng Chủ tọa kỳ họp	2.400.000	(02 đb x 04 kỳ họp x 300.000đ/kỳ họp)
07	Kinh phí bồi dưỡng Thư ký kỳ họp	2.400.000	(02 đb x 4 kỳ x 300.000đ/kỳ họp)
08	Hỗ trợ tiền xăng cho đại diện cử tri dự kỳ họp	960.000	(02 kỳ x 2đb x 60.000đ/đb/ngày x 4 ngày)
09	Chuẩn bị báo cáo, đề án, nghị quyết	62.000.000	(5ĐA+ 125 BC + 25NQ) x 400.000đ
10	Tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri trước sau kỳ họp thường lệ của HĐND	24.000.000	10 điểm x 4 cuộc x 600.000đ/cuộc
11	Tổ chức tiếp xúc cử tri chuyên đề	2.400.000	4 cuộc x 600.000đ/cuộc
12	Cá nhân tham dự tiếp xúc cử tri trước sau kỳ họp thường lệ của HĐND	52.000.000	4 cuộc x 13.000.000đ/cuộc
13	Cá nhân dự tiếp xúc cử tri chuyên đề	12.000.000	4 cuộc x 3.000.000 đ/cuộc
14	Hoạt động giám sát, khảo sát của T.Trực và hai Ban (xây dựng KH, báo cáo kết luận, tổ chức giám sát).	160.000.000	40 cuộc x 4.000.000đ/cuộc
15	Họp đoàn thông qua báo cáo kết quả giám sát	36.000.000	40 cuộc x 900.000đ/cuộc
16	TT. HĐND tổ chức họp chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp HĐND	6.400.000	4 cuộc x 20 người x 80.000đ/người/ngày

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
17	Họp Thường trực HĐND định kỳ theo quy chế	14.400.000	12 cuộc x 15 x 80.000đ/người/ngày
18	Hội nghị giao ban quý I, 6, 9 tháng, năm của Thường trực HĐND	10.240.000	4 cuộc x 32đb x 80.000đ/ngày
19	Hai Ban HĐND họp chuẩn bị nội dung kỳ họp HĐND	12.160.000	2 Ban x 4 cuộc x 19 người x 80.000đ/ngày
20	Hai Ban họp thẩm tra các báo cáo, đề án	12.160.000	2 Ban x 4 cuộc x 19 người x 80.000đ
21	Hai ban HĐND họp giao ban định kỳ quý I, 6,9 tháng, năm	9.600.000	2 Ban x 4 cuộc x 15 người x 80.000đ x ngày
22	Hỗ trợ tiền ăn đại biểu họp Tổ đại biểu định kỳ hàng quý theo quy chế	10.240.000	8 Tổ = 32đb x 4 quý x 80.000đ/người/ngày.
23	Họp Tổ đại biểu góp ý nội dung kỳ họp	10.240.000	8 Tổ= 32đb x 4 cuộc x 80.000đ/người/ngày
24	Tổ đại biểu HĐND tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng, tổng kết hoạt động năm	5.120.000	8 Tổ = 32 đb x 80.000đ/ngày/người x 2 cuộc
25	Hội nghị hướng dẫn hoạt động và tập huấn kỹ năng nâng cao chất lượng hoạt động cho đại biểu HĐND	9.200.000	02 cuộc x 50đb x 80.000đ/ngày + 02 báo cáo viên
26	Kinh phí bồi dưỡng Đại biểu HĐND trực tiếp công dân theo định kỳ	3.200.000	32 đại biểu x 01 lần/năm x 100.000đ/người
27	Kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ đại biểu HĐND tiếp công dân	19.200.000	32 người/ngày x 6 ngày x 100.000đ/ngày
28	Chi tiền hỗ trợ may trang phục cho Đại biểu	96.000.000	32 đại biểu x 01 lần/nhiệm kỳ x 3.000.000đ/người
29	Chi tiền sổ tay Đại biểu	4.800.000	32 đại biểu x 01 lần/nhiệm kỳ x 150.000đ/người
30	Chi tiền cặp xách tay Đại biểu	19.200.000	32 đại biểu x 01 lần/nhiệm kỳ x 600.000đ/người
31	Chi phúc lợi	15.000.000	
32	Chi nước uống, văn phòng phẩm phục vụ cho hoạt động và các kỳ họp HĐND, xăng phục vụ cho hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát của TT và hai Ban HĐND, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, chi tiếp khách, phục vụ các hội nghị chuyên đề phối hợp của HĐND-UBND-UB.MTTQVN Thành phố, rửa hình đại biểu,....	300.000.000	
TỔNG CỘNG		1.408.721.000	